

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2023/TLST-VHNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1991.

Anh Mai Hữu L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L do tự tìm hiểu quen biết nhau trước nên tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2015 và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/01/2015, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được khoảng vài năm đầu nhưng thời gian sau này đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn mất hạnh phúc do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Anh chị đã sống ly thân được 02 năm nay, anh chị cũng không có tự bản thân thỏa thuận hàn gắn đoàn tụ được. Anh chị nhìn nhận không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên tự nguyện làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh L, chị N là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do

đó việc thuận tình ly hôn của anh L, chị N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: thời gian sống chung, anh L và chị N trình bày là không có con chung nên không đề cập.

[3] Về tài sản chung: anh L và chị N thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: anh L và chị N thống nhất không có nên không đề cập.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Kim N và anh Mai Hữu L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Trần Thị Kim N và anh Mai Hữu L thống nhất không có nên không đề cập.

- Về tài sản chung: chị Trần Thị Kim N và anh Mai Hữu L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: chị Trần Thị Kim N và anh Mai Hữu L thống nhất không có nên không đề cập.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Trần Thị Kim N, anh Mai Hữu L mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0002377 và 150.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0002378 cùng ngày 22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Bắc nên anh chị không còn phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
- (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc;
- UBND xã T1;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc hôn nhân gia đình.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Đạt